

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HS-ST
Ngày: 22-8-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2019/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/HSST-QĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Tuấn V, sinh năm 1994; nơi cư trú: tổ 02, khóm T, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn U và bà Trương Thị Ngọc V; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/04/2019 đến ngày 22/4/2019 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 10 khóm T, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Ngọc V, sinh năm 1956; nơi cư trú: tổ 02, khóm 7, phường F, thành phố D, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 197; vắng mặt.

- Ông Đặng Văn L, sinh năm 1978; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1997; vắng mặt.
- Ông Trần B, sinh năm 1946; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 27/3/2019, tại tổ 09, khóm T, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang Phạm Tuấn V thấy xe mô tô biển số 67G1-177.88 của Trần Thị Thùy Tr đang đậu trước nhà, không người trông giữ, V lén lấy trộm xe mang đến Gò Tà Mâu, thuộc Vương quốc Campuchia, cầm cho người phụ nữ tên Kim với số tiền 5.000.000 đồng lấy tiền chơi game, mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Ngày 16/04/2019, V đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WAVE S, màu đỏ đen xám, biển số 67G1- 17788 (Tr đã nhận lại xe).

Kết luận định giá tài sản số 163/KL-ĐG, ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WAVE S, màu đỏ đen xám, biển số 67G1- 17788 trị giá 8.000.000 đồng.

Ngày 22/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với V.

Tại Cáo trạng số 51/CT-VKS-CD ngày 10/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Phạm Tuấn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cụ thể phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng vật chứng được thu giữ nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại; người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, nên đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, xe mô tô biển số 67G1- 177.88 mà bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi và giao trả lại cho người bị hại nên đề nghị không xử lý lại.

Về trách nhiệm dân sự, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Đối với người phụ nữ tên Kim (không rõ họ, địa chỉ) Cơ quan điều tra không làm việc, xác minh được.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội:

Bị cáo V khai nhận do cần tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 27/3/2019, bị cáo lén lút lấy trộm xe mô tô

biển số 67G1-177.88 chạy thẳng lên Vĩnh Ngươn qua gò Tà Mâu- Campuchia cầm cho người phụ nữ lạ chủ tiệm cầm đồ tên “Kim” với số tiền 5.000.000 đồng, mua ma túy sử dụng, chơi game bắn cá và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 16/4/2019, bị cáo đến trụ sở Công an thành phố Châu Đốc đầu thú.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Ngoài ra, còn phù hợp với vật chứng vụ án đã thu giữ và giao trả lại cho người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường ngày 27/3/2019 do cơ quan có thẩm quyền lập và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ đó, có căn cứ xác định bị cáo đã lợi dụng lúc sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WAVE S, màu đỏ đen xám, biển số 67G1- 17788 giá trị 8.000.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm sở hữu của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra nên tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình. Tuy nhiên, do lười lao động, nghiện ma túy nhưng lại muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Xét, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại; người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú. Đây là các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động; xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 67G1- 177.88, nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, màu sơn đỏ xám đen, số khung RLHJC43179Y011597, số máy JC43E0518844, đã qua sử dụng đã trả lại cho bị hại nên không đề cập giải quyết.

[8] Vấn đề khác: Đối với người phụ nữ tên Kim (không rõ họ, địa chỉ) Cơ quan điều tra không làm việc, xác minh được nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tuấn V: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ 16/4/2019 (*ngày mười sáu, tháng tư, năm hai nghìn không trăm mười chín*).

Áp dụng Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Tuấn V phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc